

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: / SKHĐT-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2019

V/v Chỉ đạo việc thực hiện
Kế hoạch áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng
theo TCVN ISO 9001: 2008 năm 2019

Kính gửi: - Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở;
- Trung tâm xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 1696/SKHĐT-VP ngày 18/7/2019 về Triển khai thực hiện Kế hoạch áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 năm 2019. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện các Luật của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và văn bản dưới luật của Bộ ngành TW, địa phương mới ban hành có hiệu lực trong năm 2019, do vậy Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố tại Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 đã có những thay đổi, bổ sung và bãi bỏ.

Ngày 18/9/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh có Quyết định số 2639/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh (QĐ 852) nêu trên.

Trong đó :

- Công bố ban hành mới: 29 thủ tục hành chính;
- Công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế: 90 thủ tục hành chính;
- Công bố bãi bỏ danh mục tại QĐ 852: 05 thủ tục hành chính;

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở hoàn chỉnh, bổ sung thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 năm 2019 với các nội dung sau:

1. Mục tiêu, chính sách chất lượng, các tài liệu bên trong, bên ngoài các phòng đã xây dựng, công bố năm 2017 tiếp tục thực hiện, cập nhật, bổ sung.

2. Sổ tay chất lượng: nội dung chi tiết đã ban hành và cập nhật trên Website Sở theo dõi nội dung thực hiện và so sánh đánh giá kết quả thực hiện;

3. Quy trình trong sổ tay chất lượng (QT 7.5): Quy trình giải quyết công việc tương ứng 128 **thủ tục hành chính** thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 852/QĐ - UBND ngày 10/4/2017 đã cũ có bổ sung thay thế và bãi bỏ, cần rà soát cập nhật, xây dựng và hoàn chỉnh Quy trình mới.

4. Rà soát, cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh Quy trình theo Bộ thủ tục hành chính mới (QT 7.5)

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện từ ngày ký. Các Phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Sở có Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Sở thực hiện xây dựng, rà soát, hoàn thiện Quy trình xử lý công việc (QT 7.5 mới) theo Biểu mẫu quy

định của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 thay thế Quy trình xử lý công việc (QT 7.5 cũ).

Mục lục cụ thể như sau:

a. Danh mục thủ tục hành chính công bố ban hành mới

TT	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (TTHC)	SỐ TTHC
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC	22
II	LĨNH VỰC VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI (NGO)	01
III	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)	01
IV	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	03
V	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	02
	TỔNG	29

b. Danh mục thủ tục hành chính Sửa đổi bổ sung và thay thế

TT	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (TTHC)	SỐ TTHC
VI	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA):	04
VII	LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN	07
VIII	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN	01
IX	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO ĐỐI TÁC CÔNG TƯ	03
X	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	60
XI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ	15
	TỔNG	90
	TỔNG SỐ	119

Danh mục cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Kinh tế đối ngoại)
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	Giãn tiến độ đầu tư (Kinh tế đối ngoại)
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
20	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
21	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
22	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư (Kinh tế đối ngoại)
II	LĨNH VỰC VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI (NGO)
23	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài
III	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)
24	Thủ tục xác nhận chuyên gia
IV	LĨNH VỰC ĐẤU THẦU
25	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu
26	Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu
27	Thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu

V	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO
28	Thủ tục giải quyết khiếu nại
29	Thủ tục giải quyết tố cáo

2. Danh mục thủ tục hành chính cập nhật sửa đổi, bổ sung thay thế
(Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VI	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)
30	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại
31	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
32	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng
33	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm
II	LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN
34	Rà soát, tổng hợp kết quả thẩm định trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
35	Rà soát, tổng hợp kết quả thẩm định trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình
36	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách
37	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách
38	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng
39	Thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng
40	Thẩm định thiết kế, dự toán dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng
VIII	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
41	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ
IX	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO ĐỐI TÁC CÔNG TƯ
42	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất
43	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất

44	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất
X	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
01	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
02	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
03	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
04	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
05	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
06	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
07	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
08	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
09	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
11	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
16	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích

17	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
18	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
19	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
20	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
21	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
22	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
23	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
25	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
26	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
28	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
29	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
30	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
31	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
32	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

33	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
35	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
36	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
37	Giải thể doanh nghiệp
38	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
39	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
40	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
41	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
42	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
43	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
44	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
45	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
46	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
47	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
48	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
49	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp

50	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
51	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
52	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
53	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
54	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
55	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
56	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
57	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
58	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
59	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
60	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
XI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập

8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
9	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã

5. Rà soát, phân công, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng với từng công chức, viên chức được phân công theo Biểu mẫu của Hệ thống quản lý chất lượng;

6. Tiếp tục thực hiện hoàn thành các nội dung của Kế hoạch số 259/KH-SKHĐT ngày 13/2/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Kế hoạch Áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 trong năm 2019 và thời gian tới để góp phần hoàn thành nhiệm vụ công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2019 của Sở.

Giám đốc Sở yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở triển khai và thực hiện các nội dung nêu trên, hoàn chỉnh hồ sơ việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 năm 2019 trước ngày **06/10/2019** gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp, theo dõi, triển khai thực hiện, kiểm tra, báo cáo đánh giá theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&CN (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Giám đốc Sở, các Phó GD Sở;
- Các phòng, TTXTĐT thuộc Sở (iDesks);
- Lưu VT,VP.

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Hà

